

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: **58/2023/TLST-HNGĐ** ngày **21 tháng 02 năm 2023** về việc “Ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị Cẩm T** - sinh năm: 2000;

Địa chỉ: **TDP 10, thị trấn VG huyện VN, tỉnh KH.**

- Bị đơn: **Anh Bùi Văn Th** - sinh năm: 1994;

Địa chỉ: **TDP 10, thị trấn VG huyện VN, tỉnh KH.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2023;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Phạm Thị Cẩm T** và anh **Bùi Văn Th**.**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

**Chị Phạm Thị Cẩm T** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **duy nhất **Bùi Ngọc Phương N** – sinh ngày: 16/11/2020** cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

**Anh Bùi Văn Th** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đồng (Năm triệu đồng); thời gian cấp dưỡng vào ngày **05 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu tiên là ngày 05/4/2023, cấp dưỡng liên tục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.**

**Anh Th** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết anh Th, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

*Quy định:* Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: **Chị Phạm Thị Cẩm T và anh Bùi Văn Th** đều xác nhận không có tài sản chung.

- Về án phí:

+ Chị Phạm Thị Cẩm T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001752 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN. Chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Anh Bùi Văn Th chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN;
- Chi cục THADS huyện VN;
- UBND xã VT (Giấy chứng nhận kết hôn số 108, ngày 30/9/2020);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT, AV.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Võ Thị Hòa Thanh**